

Số: 238/QĐST-VHNGĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**
V/v: Hôn nhân & gia đình

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Lập

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thúy Hương – Thư ký viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & gia đình thụ lý số 214/2023/TLST - VHNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp số: 243/2023/QĐPH-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị N T T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn P Đ, xã Đ T, huyện P X, thành phố H N.

Số căn cước công dân: ***** cấp ngày **/**/****, Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- Anh T V T, sinh năm 1993.

Địa chỉ tại Việt Nam: Thôn P Đ, xã Đ T, huyện P X, thành phố H N. Hộ chiếu số: ***** do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày **/**/****.

Địa chỉ tại nước ngoài: Số ***, 2F, 711-9, G, G, G, GS, H Q.

Anh T V T có ủy quyền cho chị N T T nộp, nhận Văn bản tố tụng thay anh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

*** Theo chị N T T trình bày:**

Tôi và chồng tôi là anh T V T kết hôn ngày 13/6/2016, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ T, huyện P X, thành phố H N.

Sau khi kết hôn, đến tháng 5/2017 anh T sang Đ L lao động, tháng 6/2018 Tôi sang Đ L lao động, trong suốt quá trình làm việc và sinh sống bên đó chúng tôi vẫn giữ liên lạc nhưng không chung sống cùng nhau vì khác công ty và phải ở ký túc xá, mỗi tháng chỉ gặp nhau một lần.

Cuối năm 2018 anh T về V N, đến ngày 15/05/2019 anh T qua H Q làm việc và ở lại H Q đến nay. Trong khoảng thời gian đó tôi vẫn ở bên Đ L lao động đến tháng 11/2022 tôi về V N sinh sống. Do cách biệt về khoảng cách nên từ năm 2018 đến nay

chúng tôi không gặp nhau mà chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Thực tế tôi và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, do không chung quan điểm cuộc sống, không có định hướng, không có kế hoạch chung cho cuộc sống hôn nhân, không có dự định chung để xây dựng hạnh phúc gia đình trong tương lai, khác biệt lối sống và nuôi dạy con, cho đến cách chi tiêu sinh hoạt cho con, quan hệ nội ngoại có nhiều bất đồng. Dù đã cố gắng tìm mọi cách để hàn gắn lại cuộc hôn nhân và được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn đến nay vẫn chưa được giải quyết. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và thực tế hôn nhân đã không tồn tại.

Thưa quý tòa, quan hệ hôn nhân chúng tôi trên thực tế đã không tồn tại, tôi thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu T K D, sinh ngày 29/08/2016, hiện cháu đang sinh sống cùng ông bà nội là T V C và L T H tại địa chỉ: Thôn P Đ, xã Đ T, huyện P X, thành phố H N.

Ly hôn, chúng tôi thỏa thuận cháu D sẽ do chồng tôi chăm sóc trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kính mong Quý tòa xem xét đề nghị để anh T V T trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng chúng tôi sẽ tự thỏa thuận.

3. Về tài sản và Nhà đất:

- Tài sản chung của vợ chồng: không có không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Tài sản riêng của vợ chồng: không có không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Khoản nợ chung của vợ chồng: không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tôi xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân & gia đình

5. Vấn đề khác: Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết cho chúng tôi sớm được ly hôn để chúng tôi ổn định cuộc sống.

*** Theo anh T V T trình bày:**

Tôi và chị N T T tổ chức đám cưới ngày 25/10/2015, đến ngày 13/6/2016 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ T, huyện P X, thành phố H N. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, chúng tôi sinh sống cùng bên nội tại Thôn P Đ, xã Đ T, huyện P X, thành phố H N. Sau khi sinh con đầu lòng là cháu T K D vào ngày 29/08/2016, đến tháng 5/2017 tôi T V T sang Đ L lao động, tháng 6/2018 vợ tôi N T T sang Đ L lao động, trong suốt quá trình làm việc và sinh sống bên đó chúng tôi vẫn giữ liên lạc nhưng không chung sống cùng nhau vì khác công ty và phải ở ký túc xá, mỗi tháng chỉ gặp nhau một lần.

Cuối năm 2018, tôi về lại V N, đến ngày 15/05/2019 tôi qua H Q là việc và ở lại cho đến nay. Trong khoảng thời gian đó, vợ tôi vẫn ở bên Đ L lao động đến tháng 11/2022 vợ tôi về V N. Do cách biệt về khoảng cách nên từ năm 2018 đến nay chúng

tôi không gặp nhau mà chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Thực tế tôi và chị T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, do không chung quan điểm cuộc sống, không có định hướng, không có kế hoạch chung cho cuộc sống hôn nhân, không có dự định chung để xây dựng hạnh phúc gia đình trong tương lai, khác biệt lối sống và nuôi dạy con, cho đến cách chi tiêu sinh hoạt cho con, quan hệ nội ngoại có nhiều bất đồng. Dù đã cố gắng tìm mọi cách để hàn gắn lại cuộc hôn nhân và được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn đến nay vẫn chưa được giải quyết. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và thực tế hôn nhân đã không tồn tại.

Thưa quý tòa, quan hệ hôn nhân chúng tôi trên thực tế đã không tồn tại, tôi thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu T K D, sinh ngày 29/08/2016, hiện cháu đang sinh sống cùng ông bà nội là T V C và L T H tại địa chỉ: Thôn P Đ, xã Đ T, huyện P X, thành phố H N. Thực tế, con sống với ông bà nội và được ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc suốt thời gian chúng tôi ở nước ngoài.

Chúng tôi thỏa thuận sau khi ly hôn, tôi trực tiếp nuôi con, vợ tôi có quyền thăm nom, mức cấp dưỡng chúng tôi sẽ tự thỏa thuận. Tôi đang ở H Q và dự định sẽ về V N trong thời gian ngắn sắp tới, trong thời gian tôi ở H Q con T K D sẽ do mẹ và ông bà nội chăm sóc.

Kính mong Quý tòa xem xét thỏa thuận quyền nuôi con và tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con của chúng tôi.

3. Về tài sản và Nhà đất:

- Tài sản chung của vợ chồng: không có không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Tài sản riêng của vợ chồng: không có không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Khoản nợ chung của vợ chồng: không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp:

- Chị N T T giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày. Đến nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh T. Về con chung, chị T và anh T có 01 con chung là cháu T K D, sinh ngày 29/08/2016, Ly hôn chị T và anh T thống nhất để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Về tài sản và công nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T xin chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc Hôn nhân&gia đình. Chị T đồng ý nhận ủy quyền của anh T nhận văn bản tố tụng thay anh T.

- Anh T V T có đơn xin vắng mặt. Anh T có ủy quyền cho chị N T T nhận văn bản tố tụng thay anh. Chị T có mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực

hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

+ *Về nội dung vụ án*: Hôn nhân của anh T V T và chị N T T là hợp pháp. Đến nay hôn nhân của chị T và anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T; Về con chung: anh T và chị T có 01 con chung là cháu T K D, sinh ngày 29/08/2016. Ly hôn đề nghị giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng các đương sự xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về Tài sản và công nợ chung: chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N T T tự nguyện nộp cả lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc Hôn nhân & gia đình đã được thẩm tra, xem xét tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị N T T và anh T V T kết hôn do tìm hiểu tự nguyện, có Đăng ký kết hôn ngày 13/6/2016 tại UBND xã Đ T, huyện P X, thành phố H N nên là hôn nhân hợp pháp. Việc chị T và anh T yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình, anh T V T đang sinh sống và làm việc tại H Q nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của anh T V T tại phiên họp: anh T V T vắng mặt nhưng đã có ý kiến và đơn trình bày xin giải quyết vắng mặt do chị T xuất trình. Đồng thời anh T đã có văn bản ủy quyền cho chị N T T nhận văn bản tố tụng thay anh có xác nhận của Đại sứ quán V N tại H Q. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về Hôn nhân: Xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, thể hiện anh T V T và chị N T T chung sống cùng nhau đến tháng 5/2017 thì vợ chồng sống mỗi người một nơi, mỗi tháng chỉ gặp nhau một lần. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống xa cách, hai bên không chung quan điểm cuộc sống, không có định hướng, không có kế hoạch chung cho cuộc sống hôn nhân, không có dự định chung để xây dựng hạnh phúc gia đình trong tương lai, khác biệt lối sống và nuôi dạy con, cho đến cách chi tiêu sinh hoạt cho con, quan hệ nội ngoại có nhiều bất đồng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, mỗi

người một nơi, anh T sống và làm việc tại Đ L và H Q, chị T sống và làm việc tại Đ L và V N nên mâu thuẫn của anh chị không có điều kiện để hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị N T T và anh T V T là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về con chung: Anh T V T và chị N T T có 01 con chung là cháu T K D, sinh ngày 29/08/2016. Ly hôn chị T và anh T đề nghị giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu D hiện đang ở cùng ông bà nội là T V C và L T H tại địa chỉ: Thôn P Đ, xã Đ T, huyện P X, thành phố H N. Thực tế, cháu D sống với ông bà nội và được ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc suốt thời gian anh T và chị T ở nước ngoài. Anh T sắp về V N và có ý kiến là trong thời gian đó chị T và ông bà nội chăm sóc cháu D. Xét thấy việc thỏa thuận của anh T và chị T là tự nguyện và để tránh xáo trộn trong sinh hoạt của cháu D, cần giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu D, cũng như quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & gia đình. Chị T có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, anh T và chị T xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh T V T và chị N T T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân & gia đình: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N T T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân & gia đình.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35, Điều 37; Điều 371, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

- Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị N T T và anh T V T.

- Về con chung: Chị N T T và anh T V T xác định 01 con chung là cháu T K D, sinh ngày 29/08/2016. Ly hôn giao cháu T K D cho anh T V T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật thay thế.

Chị N T T có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T và chị T xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị N T T và anh T V T không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân&gia đình: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N T T tự nguyện nộp cả 300.000đồng lệ phí việc Hôn nhân&gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp theo Biên lai số **/****/***** ngày 05/10/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Về việc thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Lưu Vp, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Lập